Lesson Sheet

B2 · Week 1 · Session 3 · b2-w01-s3 · v1 draft

Writing an Argumentative Essay on Globalization

• Hiểu ý chính, tìm chi tiết và so sánh hai quan điểm trong bài đọc, bài nghe.

• Trình bày quan điểm bằng ví dụ cụ thể; thử dùng cấu trúc nâng cao có hướng dẫn.

Grammar: Balanced arguments and Never before inversion

Dùng although, however và whereas để nêu hai mặt của vấn đề. Never before ở đầu câu tạo nhấn mạnh và cần đảo trợ động từ.

Although + clause, clause. Clause. However, clause. Never before + have/has + subject + past participle.

Khởi động và học từ qua ví dụ · 14 phút
Liên hệ chủ đề với trường học hoặc gia đình. Học 8 từ và tự đặt câu.

Đọc, nghe và tìm bằng chứng · 16 phút
Đọc ý chính, nghe hai lượt và tìm chi tiết cho câu hỏi. Chưa mở transcript trong lượt nghe đầu.

Thảo luận và viết bản nháp · 15 phút
Nêu ý kiến với một lý do và một ví dụ, sau đó viết theo dàn ý. Có thể dành thêm thời gian viết nếu cần.

Luyện tập và phản hồi · 15 phút
Làm quiz, kiểm tra giải thích cùng bố mẹ và chỉnh một điểm trong bài viết. Ghi nhận mức tự tin.

Vocabulary Worksheet

B2 · Week 1 · Session 3 · b2-w01-s3 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

trade /treɪd/ (noun)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

supplier /səˈplaɪə(r)/ (noun)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

opportunity /ˌɒpəˈtjuːnəti/ (noun)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

compete /kəmˈpiːt/ (verb)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

alternative /ɔːlˈtɜːnətɪv/ (noun)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

working conditions /ˈwɜːkɪŋ kənˌdɪʃnz/ (plural noun)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

informed /ɪnˈfɔːmd/ (adjective)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

recommendation /ˌrekəmenˈdeɪʃn/ (noun)

Nghĩa: _____

My sentence: _____

Grammar Worksheet

B2 · Week 1 · Session 3 · b2-w01-s3 · v1 draft

Balanced arguments and Never before inversion

Although + clause, clause. Clause. However, clause. Never before + have/has + subject + past participle.

Choose the correct sentence.

A. Never before the students have considered this.

B. Never before have the students considered this.

C. Never before have the students consider this.

Complete: _____ international trade offers choice, local shops may face stronger competition.

A. Although

B. Despite

C. However

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

B2 · Week 1 · Session 3 · b2-w01-s3 · v1 draft

A Local Shop and International Trade

For their final school project, a class has been asked to discuss whether international trade improves local communities. Rather than starting with complicated statistics, the students visit a small shop near their school and interview its owner, Mr Khan. The conversation gives them a practical way to consider both sides of the question.

Mr Khan explains that he can now order products from several countries and offer customers a wider choice. Some of the equipment he uses was designed abroad, and online communication helps him compare suppliers. International connections have also allowed local makers to sell their work to customers who would never visit the town.

However, these opportunities come with difficulties. Small businesses may struggle to compete with large companies that can offer lower prices. Long delivery routes can create more packaging and transport waste. Mr Khan also worries that customers sometimes choose a familiar global brand without considering a well-made local alternative.

The students disagree about which concern matters most, but they find some common ground. They suggest that shoppers should be given clear information about how products are made. They also recommend school events where local makers can explain their work.

Never before have the students examined their shopping choices so carefully. They conclude that international trade is neither a complete solution nor a problem with a single answer. Its value depends partly on how businesses and customers act.

How can international connections help local makers?

A. By requiring them to close their workshops.

B. By removing every cost of production.

C. By helping them reach customers outside the town.

What conclusion do the students reach?

A. International trade has only advantages.

B. Its value partly depends on how businesses and customers act.

C. Shoppers should always avoid local products.

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

B2 · Week 1 · Session 3 · b2-w01-s3 · v1 draft

A School Panel on Shopping Choices

Nghe lần đầu để xác định quan điểm và ý chính của từng người nói.
Nghe lại, ghi hai chi tiết hỗ trợ quan điểm rồi làm câu hỏi nghe.

What concern does Sarah raise?
A. Local businesses may struggle to compete with large companies.
B. Schools have too many projects about shopping.
C. Useful equipment cannot be bought from abroad.

What recommendation do both students accept?
A. Remove all international products from shops.
B. Invite local makers to show their work at school.
C. Ask only large companies for information.

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

B2 · Week 1 · Session 3 · b2-w01-s3 · v1 draft

Write an essay discussing one benefit and one difficulty that international trade can bring to a local community.

Độ dài tham khảo: 150–190 từ.

• Giới thiệu vấn đề và quan điểm.

• Một lợi ích với ví dụ cụ thể.

• Một khó khăn và giải pháp khả thi.

• Kết luận cân bằng, không khẳng định quá mức.

Checklist

¡Có một lợi ích, một khó khăn và ví dụ hỗ trợ.

¡Quan điểm cân bằng, không dùng số liệu hoặc dẫn chứng chưa kiểm tra.

¡Kết luận liên hệ giải pháp thực tế.

¡Bài có 150–190 từ; kiểm tra thì và từ nối.

Speaking Card

B2 · Week 1 · Session 3 · b2-w01-s3 · v1 draft

Discuss how students can make thoughtful shopping choices.

What information would help you compare a local product and an imported one?

Can a low price ever hide a disadvantage? Explain an example.

Bố mẹ quan sát

¡Trình bày hai mặt của vấn đề với ví dụ gần gũi.
¡Dùng từ nối để phát triển quan điểm và phản hồi.
¡Nói dễ hiểu, biết diễn đạt lại khi thiếu từ.

Từ vựng gợi ý

trade · supplier · opportunity · compete · alternative · working conditions · informed · recommendation